

VÀI NÉT VỀ QUAN HỆ KINH TẾ EU - ASEAN TRONG NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

Nguyễn Bích Thuận
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Quan hệ ngoại giao giữa Liên minh Châu Âu (EU) và Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN)¹ chính thức được thiết lập theo Hiệp định hợp tác được ký kết vào năm 1980 tại Kuala Lumpur, Malaysia. Hiệp định đã đánh dấu một mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai khu vực. Trong những năm gần đây, sự phát triển mạnh mẽ của ASEAN đã biến Hiệp hội ASEAN trở thành một trong những khu vực phát triển năng động vào bậc nhất thế giới. GDP tăng trưởng trung bình hàng năm của các nước ASEAN là khoảng 5,5%. Điều này đã khiến EU không thể bỏ qua thị trường đầy tiềm năng này. ASEAN được coi là khu vực chiến lược, là “cửa ngõ” EU tiếp cận với thị trường châu Á. Đồng thời, việc mở rộng thêm 12 nước thành viên mới của Liên minh Châu Âu cũng là cơ hội quan trọng cho các nước ASEAN tiếp cận được với thị trường của 27 nước thành viên, với gần 500 triệu người tiêu dùng. Bài viết sẽ giới thiệu vài nét quan hệ kinh tế EU - ASEAN và triển vọng phát triển trong thời gian tới.

1. Quan hệ kinh tế EU - ASEAN giai đoạn 2000 đến nay

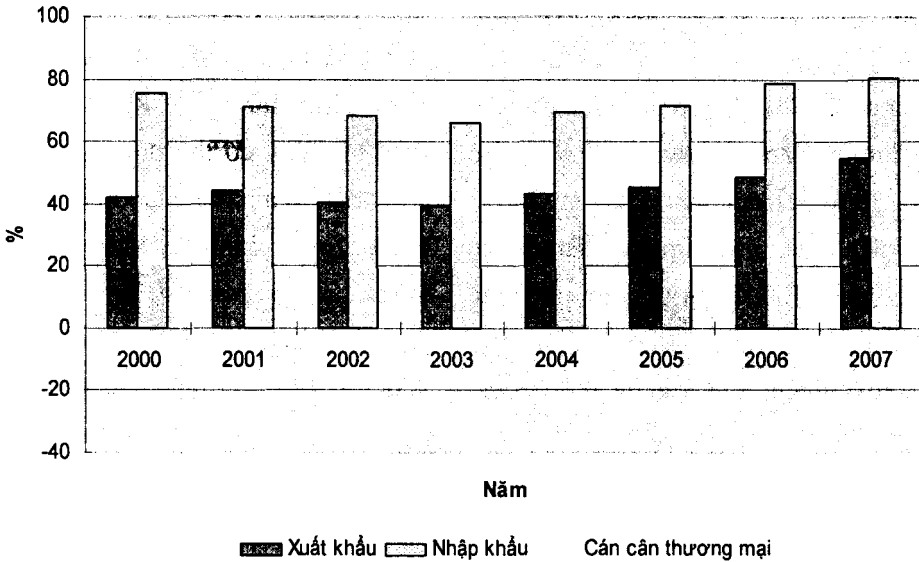
1.1. Quan hệ thương mại:

Trao đổi hàng hoá giữa EU và ASEAN tăng mạnh trong những năm gần đây. EU là thị trường lớn thứ hai và là đối tác thương

mại lớn thứ ba của ASEAN, còn ASEAN là đối tác lớn thứ sáu của Liên minh Châu Âu. Trong thương mại song phương, EU luôn là nước nhập siêu từ ASEAN. Trong giai đoạn 2000-2007, lượng hàng hóa giao dịch giữa hai khối tương đối ổn định. Trong năm 2000, cán cân thương mại giữa EU và ASEAN là 33,5 tỷ Euro, trong đó xuất khẩu từ EU sang ASEAN là 41,9 tỷ Euro trong khi đó nhập khẩu từ khu vực ASEAN là 75,4 tỷ Euro. Đây cũng là năm cán cân thương mại giữa hai khu vực có sự khác biệt lớn nhất trong vòng 7 năm gần đây. Các năm sau đó, lượng xuất khẩu và nhập khẩu giữa hai khối có xu hướng tăng, nhưng sự khác biệt cũng thu hẹp lại. Năm 2007, EU nhập khẩu một lượng lớn hàng hóa và dịch vụ từ ASEAN với giá trị là 80,4 tỷ Euro, cao nhất trong giai đoạn 2000 - 2007 và xuất khẩu vào thị trường ASEAN là 54,6 tỷ Euro. Đáng chú ý là Singapore là nước có trao đổi thương mại lớn nhất trong ASEAN vào thị trường EU, chiếm 40,5% thị trường xuất khẩu và 24,7% thị trường nhập khẩu. Tiếp đến là các nước như Malaysia, Thái Lan, và Indonesia cũng là những đối tác thương mại lớn của EU. Kim ngạch xuất khẩu của các nước này lần lượt là 21,0%, 14,9% và 10,3% và nhập khẩu là 22,7%, 18,7% và 15,6%².

¹ ASEAN lúc đó bao gồm 5 nước là Singapore, Indonesia, Malaysia, Phillipines và Thái Lan.

Sự tăng trưởng về thương mại giữa EU-27 và các nước khối ASEAN trong khoảng thời gian 2000 - 2007



Nguồn: http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2006/september/tradoc_113471.pdf tải ngày 10/11/2008

Trong các thành viên của EU, Đức là đối tác xuất khẩu lớn nhất của ASEAN, chiếm 29% tổng lượng xuất khẩu của EU vào ASEAN. Các nước như Pháp, Anh, và Ý cũng là đối tác xuất khẩu lớn của ASEAN. Về nhập khẩu, Hà Lan, Anh và Đức là những bạn hàng quan trọng của ASEAN trong năm 2006. Nhìn chung, trong năm này, các thành viên trong EU đều nhập siêu từ ASEAN, ngoại trừ sáu nước: Thụy Điển, Bulgaria, Lithuania, Áo, Bồ Đào Nha, và Phần Lan. (Xem bảng 1, trang 30)

Mặt hàng được giao dịch nhiều nhất là máy móc và các thiết bị, chiếm hơn nửa tổng số hàng hóa EU xuất khẩu và 47% lượng

nhập khẩu của các nước ASEAN³ (Xem thêm bảng). Nhìn chung, các sản phẩm xuất khẩu chính của EU chủ yếu là hàng nông sản, sản phẩm dệt may, các hàng nguyên liệu máy móc... (Xem bảng 2, trang 31)

1.2. Quan hệ đầu tư

EU là một trong những nguồn FDI và ODA lớn của ASEAN. Lượng FDI từ EU chiếm khoảng 25% tổng số FDI mà ASEAN nhận được. Tuy nhiên, trên thực tế, nguồn vốn đầu tư trực tiếp này chỉ chiếm khoảng

³

http://www.tsia.ecorys.com/images/downloads/related_documents/11%20-%20EU-27%20trade%20with%20ASEAN%20countries%20in%202006.pdf tải ngày 10/11/2008.

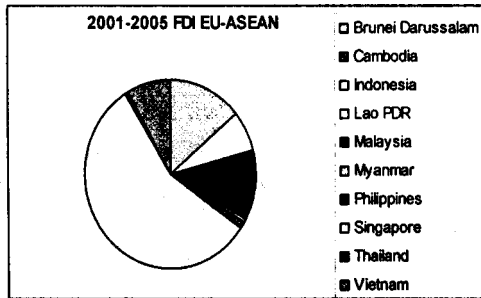
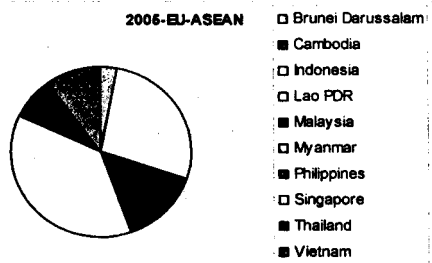
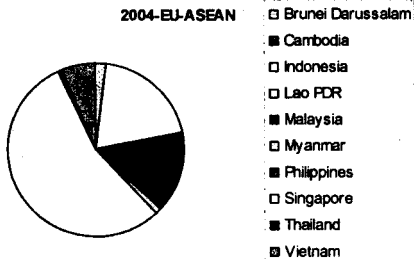
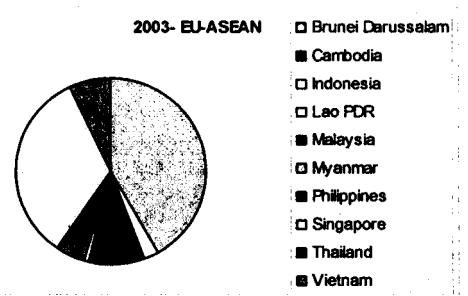
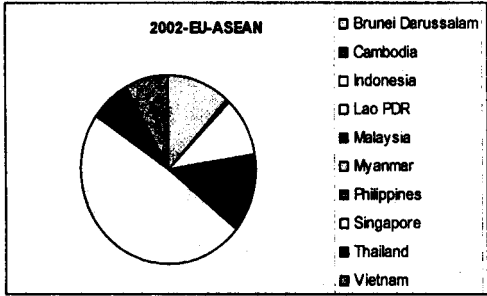
5% lượng FDI mà EU đã bỏ ra⁴. Thêm vào đó, đầu tư của EU vào ASEAN không ổn định. Trong năm 2001, FDI từ EU vào ASEAN chiếm 35,70% tổng lượng FDI khu vực này nhận được. Con số này trong năm 2002 chỉ còn 22,63%. Tuy nhiên, sau đó EU lại tăng lượng đầu tư vào ASEAN lên 30,91% và 30,62% trong năm 2003 và 2004. Năm 2005 đánh dấu một năm sụt giảm mạnh của lượng FDI từ EU khi trong năm này khu vực này chỉ chiếm 18,7% lượng FDI vào ASEAN. Tuy nhiên, EU vẫn là một trong những nước đầu tư nhiều nhất vào khu vực này. (Xem bảng 3, trang 32)

Trong giai đoạn 2001-2005, Singapore là nước nhận được nhiều FDI từ EU nhất trong ASEAN, chiếm hơn nửa số lượng FDI của EU vào ASEAN, tiếp đến là Brunei và Malaysia nhận được 14% và 12%, và Việt Nam đứng thứ 4 với 8% FDI của EU. Sự khác biệt này có thể được giải thích bởi sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Singapore so với các nền kinh tế khác trong ASEAN. Singapore đã tự do hóa thương mại, đặc biệt là ngành dịch vụ⁵. Phần lớn các nước trong ASEAN vẫn còn giới hạn việc các công ty nước ngoài vào, một phần vì các doanh nghiệp trong nước chưa đủ sức cạnh tranh.

⁴ http://www.40amm.org.ph/asean_eu.asp tải ngày 01/11/2008

5

http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2007/march/trao_134021.pdf tải ngày 18/9/2008.



Nguồn: <http://www.aseansec.org/5187-1.pdf>

Đặc biệt, cũng như các nguồn cung cấp FDI khác, lượng FDI của EU vào ASEAN chủ yếu là cho các ngành công nghiệp với tổng lượng đầu tư từ 2000-2005 là gần 20 tỷ USD so với 50 tỷ tổng FDI đầu tư vào các ngành công nghiệp của ASEAN trong thời gian này.

1.3. Viện trợ phát triển chính thức (ODA)

EU là nguồn vốn ODA lớn thứ hai của ASEAN, sau Nhật Bản. Trong các nước cung cấp viện trợ phát triển cho ASEAN, EU

là một trong những nơi hỗ trợ ASEAN nhiều nhất. Tuy nhiên, trên thực tế, nếu so sánh lượng ODA mà EU đã hỗ trợ cho các vùng khác thì không nhiều, vì ASEAN được coi là liên hợp của các nước có thu nhập trung bình, một số nước trong ASEAN đã trở thành nước phát triển nên không còn là đối tượng của ODA nữa. Vì thế, những viện trợ này luôn dành cho từng nước riêng biệt trong ASEAN, rất ít dự án mang tính khu vực. Trong khi đó, các viện trợ lại chủ yếu tập trung vào các dự án kinh tế có thể đem lại nguồn lợi cho EU. Tính đến năm 2005, chi

có 57 dự án chung giữa hai khu vực về các vấn đề như thương mại, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư, công nghiệp. Tuy nhiên, sự không hiệu quả của các dự án ODA và mâu thuẫn giữa Ủy ban Châu Âu và các nước ASEAN về việc phải kèm thêm các vấn đề về nhân quyền vào các dự án đã khiến ODA không còn được coi trọng như trước đây⁶.

2. Triển vọng hợp tác kinh tế giữa EU - ASEAN trong thời gian tới

2.1. Triển vọng dài hạn

Trong chiến lược hợp tác của EU với các nước Đông Nam Á, EU đã xác định các lĩnh vực ưu tiên giữa hai bên trong khuôn khổ TREATI, “*sáng kiến thương mại xuyên khu vực*” nhằm thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư của hai phía và có thể tiến tới xây dựng một hiệp định tự do khuôn khổ song phương. Sáng kiến thương mại xuyên khu vực hàm ý cho việc EU khởi động đàm phán một hiệp định tự do thương mại giữa EU - ASEAN trong tương lai. Do đó, hai bên đã thành lập Nhóm Tầm nhìn theo thoả thuận giữa các Bộ trưởng Kinh tế ASEAN và Cao uỷ Thương mại nhân dịp Hội nghị Tham vấn ASEM-EU tại Hạ Long, Việt Nam, tháng 4/2005. Tháng 5/2006, Nhóm Tầm nhìn EU - ASEAN đã đưa ra bản báo cáo, đề xuất xây dựng khu vực mậu dịch tự do thương mại song phương EU- ASEAN. Theo đó, Hiệp định Tự do thương mại giữa hai bên sẽ bao gồm: Mục tiêu và nguyên tắc của hiệp định; Những lĩnh vực hợp tác cụ thể như: nông

ng nghiệp, thủy sản, lâm sản, phát triển du lịch, khoa học và công nghệ, buru chính và viễn thông, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, hợp tác về tài chính, giao thông vận tải, khai khoáng và năng lượng, chính sách cạnh tranh, giáo dục. Trên cơ sở đề xuất của Nhóm Tầm nhìn, năm 2007, ASEAN và EU đã nhất trí khởi động đàm phán một hiệp định tự do thương mại. Việc hai bên tiến tới xây dựng một hiệp định sẽ góp phần: (1) Tự do hoá thương mại và đầu tư trong ASEAN; (2) Tự do và công bằng cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ASEAN bằng cách giám sát hành vi của các doanh nghiệp kinh doanh trong khu vực; (3) Cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ASEAN⁷. Trên thực tế, cả EU và ASEAN đang nỗ lực hướng tới Hiệp định FTA, nhưng giữa hai bên còn nhiều vướng mắc, vì vậy EU đã và đang tích cực đàm phán để ký kết Hiệp định FTA giữa EU với từng nước thành viên ASEAN như Thái Lan, Singapore, Việt Nam... EU hy vọng việc ký kết Hiệp định FTA với từng nước thành viên ASEAN sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đàm phán và tiến tới ký kết một FTA chung với cả khối ASEAN. Ngoài ra, đối với Việt Nam, EU cũng đang tích cực đàm phán Hiệp định Hợp tác và Đối tác (PCA) nhằm thay thế hiệp định khung mà hai phía ký năm 1995. Hiệp định PCA hướng tới quan hệ thương mại công bằng, bình đẳng và cùng với lợi.

⁷ Dr. Lawan Thanadsillapakul, *The Harmonisation of ASEAN Competition Laws and Policy from an Economic Integration Perspective*, <http://www.thailawforum.com/articles/theharmonisation.html>, tải ngày 14/11/2008.

6

http://hoeviengngoai giao.org.vn/vi/nr040730095659/nr040730100743/nr050517181009/ns050601163304/vie w_tai_ngay_01/11/2008.

Rõ ràng, lợi ích của việc hình thành khu vực mậu dịch tự do giữa EU với ASEAN nói chung và thực hiện điều khoản cạnh tranh nói riêng như giảm trợ cấp, thuận lợi hoá các ưu đãi về thương mại và đầu tư, hài hoà các chính sách, xây dựng các cơ chế đối thoại hiệu quả... sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ thương mại, đầu tư giữa hai bên. Trên thực tế quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai bên tăng một cách nhanh chóng⁸, cụ thể: Xuất khẩu của EU vào thị trường ASEAN tăng 24,2%, Ấn Độ 56,8% và Hàn Quốc 47,8% và tính tổng xuất khẩu của EU vào 3 thị trường này tăng 3,23% (Tổng xuất khẩu của EU vào 3 thị trường này là 1,3 nghìn tỷ Euro) và làm tăng GDP là 0,13%. Trong đó, xuất khẩu của các nước ASEAN vào thị trường EU tăng 18,5%, Hàn Quốc 36% và Ấn Độ 18,7%⁹.

2.2. Triển vọng ngắn hạn

Suy thoái toàn cầu bắt đầu từ giữa năm 2008 đã tác động trực tiếp tới quan hệ kinh tế giữa EU và ASEAN. Các nền kinh tế chủ chốt của EU như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia... đang phải chịu tác động nặng nề từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, dự báo trong năm 2009 các nước này có tốc độ tăng trưởng âm. Đặc biệt, khủng hoảng bắt nguồn từ hệ thống ngân hàng dẫn đến tình trạng thiếu tiền và giảm tính thanh

khoản tại các ngân hàng và ngân hàng thắt chặt các điều kiện cho vay... Điều này sẽ làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư, dẫn tới giảm đầu tư trong và ngoài Khối. Rõ ràng có dấu hiệu luồng vốn FDI của EU vào ASEAN sẽ sụt giảm trong thời gian tới. Mặt khác, trong quan hệ thương mại, EU là đối tác quan trọng của ASEAN và các nước thành viên chủ chốt của EU là những bạn hàng hết sức quan trọng nhưng do tác động của cuộc khủng hoảng, hầu hết các nước EU đều hạn chế nhập khẩu hoặc cắt giảm các đơn hàng, nên trong thời gian tới xuất khẩu hàng hoá của ASEAN vào EU sẽ gặp khó khăn và điều này dẫn đến các nước ASEAN khó đạt được mức tăng trưởng, thậm chí còn sụt giảm. Như vậy, khủng hoảng kinh tế đã làm đảo lộn tình hình tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư, việc làm, tiết kiệm của khu vực và nó cũng ảnh hưởng nghiêm trọng cả trực tiếp và gián tiếp đến cầu đầu tư, cầu tiêu dùng, cầu trong cũng như cầu ngoài khu vực. Điều này cũng tác động không nhỏ tới quan hệ kinh tế giữa ASEAN với EU trong thời gian tới.

Tóm lại, quan hệ giữa EU - ASEAN ngày càng được củng cố và tăng cường hợp tác toàn diện. Hai bên đã có những bước đi để thực hiện các cam kết đã ký, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. EU - ASEAN tiến tới một hiệp định tự do thương mại (FTA) sẽ thúc đẩy hoạt động thương mại và đầu tư giữa hai phía. Đồng thời những cam kết thực hiện trong FTA giữa EU - ASEAN sẽ tạo áp lực lớn, thúc đẩy quá trình liên kết của ASEAN tiếp tục được hoàn thiện, góp phần tiến tới Cộng đồng kinh tế ASEAN vào 2015.

⁸ Báo cáo nghiên cứu của Ủy ban Châu Âu về lợi ích mà EU có được khi hiệp định FTA hình thành giữa EU với các nước như ASEAN, Hàn Quốc và Ấn Độ, http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2007/april/tradoc_134543.pdf, tải ngày 7/6/2007.

⁹ Báo cáo nghiên cứu của Ủy ban Châu Âu, *Research show big potential gains from new EU FTAs*, Ngày 23 tháng 4 năm 2007, http://trade.ec.europa.eu/doclib/docs/2007/april/tradoc_134543.pdf, tải ngày 7/6/2007.

Bảng 1: Quan hệ thương mại giữa EU - ASEAN giai đoạn 2000 -2007 (triệu Euro)

| | XUẤT KHẨU | | | | | NHẬP KHẨU | | | | | CÂN CÂN THƯƠNG MẠI | | |
|--------------|---------------|---------------|---------------|---|----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---|----------------------------------|--------------------|----------------|----------------|
| | 2000 | 2005 | 2006 | Tăng trưởng trung bình hàng năm 2005-2006 (%) | Tỷ lệ thương mại trong EU-27 (%) | 2000 | 2005 | 2006 | Tăng trưởng trung bình hàng năm 2005-2006 (%) | Tỷ lệ thương mại trong EU-27 (%) | 2000 | 2005 | 2006 |
| EU-27 | 41.856 | 45.284 | 48.809 | 2,6 | 100 | 75.386 | 71.647 | 78.751 | 0,7 | 100 | -33.530 | -26.363 | -29.942 |
| Bỉ | 1.986 | 1.946 | 2.101 | 0,9 | 4,3 | 4.201 | 3.968 | 4.439 | 0,9 | 5,6 | -2.215 | -2.022 | -2.338 |
| Bungari | 34 | 183 | 301 | 44,0 | 0,6 | 60 | 152 | 152 | 16,7 | 0,2 | -27 | 31 | 149 |
| Séc | 251 | 272 | 318 | 4,0 | 0,7 | 521 | 499 | 688 | 4,8 | 0,9 | -269 | -227 | -370 |
| Đan Mạch | 652 | 747 | 765 | 2,7 | 1,6 | 815 | 1.012 | 1.117 | 5,4 | 1,4 | -163 | -265 | -353 |
| Đức | 10.675 | 12.570 | 13.937 | 4,5 | 28,6 | 14.530 | 13.073 | 14.681 | 0,2 | 18,6 | -3.855 | -503 | -744 |
| Estonia | 8 | 14 | 21 | 17,4 | 0,0 | 42 | 68 | 58 | 5,4 | 0,1 | -34 | -54 | -37 |
| Ái-len | 2.173 | 1.914 | 2.287 | 0,9 | 4,7 | 2.502 | 1.899 | 2.409 | -0,6 | 3,1 | -329 | 14 | -122 |
| Hy Lạp | 91 | 183 | 145 | 8,1 | 0,3 | 463 | 502 | 492 | 1,0 | 0,6 | -373 | -320 | -347 |
| Tây Ban Nha | 1.206 | 1.063 | 1.215 | 0,1 | 2,5 | 3.081 | 3.473 | 4.253 | 5,5 | 5,4 | -1.875 | -2.410 | -3.038 |
| Pháp | 5.506 | 7.183 | 6.736 | 3,4 | 13,8 | 7.342 | 7.141 | 7.000 | -0,8 | 8,9 | -1.835 | 41 | -264 |
| I-ta-ly | 4.117 | 3.998 | 4.457 | 1,3 | 9,1 | 3.864 | 4.022 | 4.788 | 3,6% | 6,1 | 253 | -24 | -331 |
| Cyprus | 9 | 12 | 12 | 4,2 | 0,0 | 86 | 92 | 88 | 0,3 | 0,1 | -76 | -80 | -75 |
| Latvia | 2 | 6 | 9 | 32,6 | 0,0 | 6 | 16 | 25 | 26,2 | 0,0 | -4 | -10 | -15 |
| Lithuania | 9 | 278 | 273 | 77,8 | 0,6 | 37 | 59 | 79 | 13,5 | 0,1 | -28 | 219 | 194 |
| Luxembourg | 37 | 40 | 40 | 1,3 | 0,1 | 75 | 399 | 383 | 31,2 | 0,5 | -38 | -359 | -344 |
| Hungary | 340 | 183 | 241 | -5,6 | 0,5 | 1.549 | 1.311 | 1.399 | -1,7 | 1,8 | -1.209 | -1.128 | -1.159 |
| Malta | 438 | 244 | 300 | -6,1 | 0,6 | 587 | 187 | 319 | -9,6 | 0,4 | -149 | 57 | -20 |
| Hà Lan | 3.139 | 3.287 | 3.818 | 3,3 | 7,8 | 16.331 | 15.573 | 16.110 | -0,2 | 20,5 | -13.192 | -12.286 | -12.292 |
| Áo | 719 | 1.026 | 1.023 | 6,1 | 2,1 | 417 | 799 | 867 | 13,0 | 1,1 | 302 | 226 | 156 |
| Ba Lan | 269 | 296 | 387 | 6,3 | 0,8 | 1.013 | 586 | 1.021 | 0,1 | 1,3 | -744 | -291 | -635 |
| Bồ Đào Nha | 142 | 502 | 830 | 34,3 | 1,7 | 349 | 313 | 380 | 1,4 | 0,5 | -207 | 188 | 450 |
| Romani | 45 | 89 | 85 | 11,2 | 0,2 | 129 | 358 | 461 | 23,6 | 0,6 | -84 | -269 | -375 |
| Slovenia | 20 | 29 | 34 | 9,5 | 0,1 | 102 | 80 | 98 | -0,7 | 0,1 | -82 | -52 | -64 |
| Slovakia | 55 | 71 | 80 | 6,5 | 0,2 | 142 | 193 | 272 | 11,4 | 0,3 | -88 | -121 | -192 |
| Phần Lan | 1.241 | 802 | 914 | -5,0 | 1,9 | 569 | 641 | 676 | 2,9 | 0,9 | 672 | 161 | 238 |
| Thụy Điển | 2.016 | 1.627 | 1.956 | -0,5 | 4,0 | 1.247 | 962 | 1.202 | -0,6 | 1,5 | 769 | 665 | 754 |
| Anh | 6.676 | 6.721 | 6.525 | -0,4 | 13,4 | 15.326 | 14.265 | 15.292 | 0,0 | 19,4 | -8.650 | -7.544 | -8.767 |

Nguồn: Eurostat

Bảng 2: Thương mại giữa EU-27 với các nước ASEAN, theo các nhóm sản phẩm chính (triệu Euro)

| | XUẤT KHẨU | | | | | NHẬP KHẨU | | | | | CÂN CÂN THƯƠNG MẠI | | |
|-----------------------------------|---------------|---------------|---------------|---|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---|-------------------------------------|--------------------|----------------|----------------|
| | 2000 | 2005 | 2006 | Tăng trưởng trung bình hàng năm 2000-2006 (%) | Tỷ lệ thương mại trong năm 2006 (%) | 2000 | 2005 | 2006 | Tăng trưởng trung bình hàng năm 2000-2006 (%) | Tỷ lệ thương mại trong năm 2006 (%) | 2000 | 2005 | 2006 |
| Tổng | 41.856 | 45.284 | 48.809 | 3 | 100 | 75.386 | 71.647 | 78.751 | 1 | 100 | -33.530 | -26.363 | -29.942 |
| Sản phẩm sơ cấp | 3.119 | 3.665 | 4.235 | 5 | 9 | 8.443 | 10.566 | 12.945 | 7 | 16 | -5.324 | -6.901 | -8.710 |
| Thực phẩm | 2.184 | 2.086 | 2.197 | 0 | 5 | 3.829 | 3.875 | 4.643 | 3 | 6 | -1.645 | -1.789 | -2.446 |
| Nguyên vật liệu | 680 | 801 | 967 | 6 | 2 | 4.189 | 5.197 | 6.281 | 7 | 8 | -3.509 | -4.397 | -5.314 |
| Năng lượng | 255 | 778 | 1.071 | 27 | 2 | 425 | 1.494 | 2.021 | 30 | 3 | -170 | -716 | -950 |
| Chế thành phẩm | 37.100 | 40.022 | 43.070 | 3 | 88 | 60.752 | 60.733 | 65.387 | 1 | 83 | -23.652 | -20.711 | -22.317 |
| Các chất hoá học | 5.031 | 6.270 | 6.592 | 5 | 14 | 2.550 | 6.854 | 7.288 | 19 | 9 | 2.481 | -584 | -696 |
| Máy móc và tranh thiết bị | 24.288 | 24.837 | 26.696 | 2 | 55 | 38.057 | 35.276 | 36.887 | -1 | 47 | -13.770 | -10.438 | -10.191 |
| Các sản phẩm đã qua sản xuất khác | 7.781 | 8.915 | 9.782 | 4 | 20 | 20.144 | 18.604 | 21.212 | 1 | 27 | -12.363 | -9.689 | -11.430 |
| Các sản phẩm khác | 1.637 | 1.598 | 1.504 | -1 | 3 | 6.191 | 348 | 420 | -36 | 1 | -4.554 | 1.249 | 1.084 |

Nguồn : http://www.tsia.ecorys.com/images/downloads/related_documents/11%20-%20EU-27%20trade%20with%20ASEAN%20countries%20in%202006.pdf

**Bảng 3: Nguồn vốn FDI đầu tư vào ASEAN từ các nước đối thoại của ASEAN
(ASEAN Dialogue Partners) giai đoạn 2001-2005**

Đơn vị: triệu USD

| | 2001 | | 2002 | | 2003 | | 2004 | | 2005 | | Tổng 2001- 2005 |
|----------------|---------------|-------|---------------|-------|---------------|-------|---------------|-------|---------------|-------|--------------------|
| | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % | Giá trị | % | |
| Úc | -124 | -0,65 | 74 | 0,47 | 163 | 0,83 | 538 | 2,10 | 327 | 0,86 | 977 |
| Canada | -472 | -2,46 | 379 | 2,40 | 69 | 0,35 | 243 | 0,95 | -39 | -0,10 | 180 |
| Trung Quốc | 147 | 0,77 | -74 | -0,47 | 196 | 1,00 | 670 | 2,61 | 570 | 1,50 | 1.509 |
| EU25 | 6.853 | 35,70 | 3.570 | 22,63 | 6.078 | 30,91 | 7.856 | 30,62 | 7.123 | 18,70 | 31.479 |
| Ấn Độ | 28 | 0,14 | 94 | 0,60 | 103 | 0,53 | 111 | 0,43 | 306 | 0,80 | 642 |
| Nhật Bản | 1.626 | 8,47 | 1.774 | 11,25 | 2.413 | 12,27 | 3.119 | 12,16 | 3.164 | 8,31 | 12.096 |
| Hàn Quốc | -268 | -1,40 | 125 | 0,79 | 542 | 2,76 | 682 | 2,66 | 628 | 1,65 | 1.710 |
| New Zealand | 15 | 0,08 | 101 | 0,64 | 88 | 0,45 | 1 | 0,00 | 471 | 1,24 | 676 |
| Hoa Kỳ | 4.868 | 25,36 | -609 | -3,86 | 1.193 | 6,07 | 3.919 | 15,27 | 8.748 | 22,97 | 18.120 |
| Tổng số | 19.197 | | 15.773 | | 19.664 | | 25.661 | | 38.083 | | 118.378 |

Nguồn: ASEAN Secretariat - ASEAN FDI Database, 2006.

Data compiled from the respective ASEAN Central banks and Central Statistical Officers

* Commencing 2004 consists of EU 25.